

Số: 06/2021/QĐST-DS

Đan Phượng, ngày 26 tháng 3 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 18 tháng 3 năm 2021 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 87/2020/TLST- DS ngày 10 tháng 12 năm 2020.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

** Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP V N T V (VPBank).

Địa chỉ trụ sở: L H, phường L H, quận Đ Đ, Thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

Đại diện theo uỷ quyền: Ông Phạm Tuấn A - Phó Giám đốc Trung tâm xử lý nợ pháp lý.

Người được uỷ quyền tham gia tố tụng: Ông Trần Hải N - Chuyên viên xử lý nợ.

** Bị đơn:* - Ông Hoàng Văn S, sinh năm 1962;

- Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1968;

Cùng địa chỉ: Cụm X, thôn H, xã L T, huyện Đ Ph, Thành phố Hà Nội.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*

- Anh Hoàng Trung H, sinh năm 1994;

- Chị Nguyễn Thị Thùy L, sinh năm 1996;

- Cháu Hoàng Đăng Kh, sinh năm 2020;

Người đại diện hợp pháp của cháu Kh là anh H, chị L (bố mẹ đẻ);

Cùng địa chỉ: Cụm X, thôn H, xã L T, huyện Đ Ph, Thành phố Hà Nội.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau

2.1. Ông Hoàng Văn S và bà Nguyễn Thị N phải trả nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V N T V số tiền cụ thể như sau:

- Số tiền còn nợ lại theo Hợp đồng tín dụng số LN1710250289855 ngày 02/11/2017, tính đến hết ngày 11/3/2021 là: 1.065.518.260 đồng (Một tỷ không trăm sáu mươi lăm triệu năm trăm mười tám ngàn hai trăm sáu mươi đồng), trong đó: nợ gốc là 816.750.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 8.695.619 đồng; nợ lãi quá hạn là 220.437.422 đồng; lãi phạt là: 19.635.219 đồng.

- Số tiền còn nợ lại theo Hợp đồng tín dụng số CPT/VN10324/201712/67 ngày 07/12/2017, tính đến hết ngày 11/3/2021 là: 109.978.507 đồng (Một trăm linh chín triệu, chín trăm bảy mươi tám ngàn năm trăm linh bảy đồng), trong đó: nợ gốc là 76.887.990 đồng, nợ lãi trong hạn là 1.325.556 đồng; nợ lãi quá hạn là 29.606.362 đồng; lãi phạt là: 2.158.599 đồng.

- Số tiền còn nợ lại theo Hợp đồng tín dụng số SGD/VN0010133/201808/18 ngày 29/8/2018, tính đến hết ngày 11/3/2021 là: 136.520.491 đồng (Một trăm ba mươi sáu triệu năm trăm hai mươi ngàn bốn trăm chín mươi một đồng), trong đó: nợ gốc là 77.134.974 đồng, nợ lãi trong hạn là 20.255.415 đồng; nợ lãi quá hạn là 33.575.903 đồng; lãi phạt là: 5.554.199 đồng.

- Số tiền còn nợ lại theo Hợp đồng tín dụng số CPT/VN10324/201904/759 ngày 08/4/2019, tính đến hết ngày 11/3/2021 là: 30.684.009 đồng (Ba mươi triệu sáu trăm tám mươi bốn ngàn không trăm linh chín đồng), trong đó: nợ gốc là 20.152.215 đồng, nợ lãi trong hạn là 1.769.438 đồng; nợ lãi quá hạn là 7.971.830 đồng; lãi phạt là: 790.526 đồng.

2.2. Kể từ ngày 12/3/2021 ông Hoàng Văn S, bà Nguyễn Thị N tiếp tục phải chịu các khoản tiền lãi phát sinh theo lãi suất thỏa thuận tại các Hợp đồng tín dụng với Ngân hàng, cho đến khi ông S, bà N thanh toán xong toàn bộ khoản nợ. Trường hợp trong Hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2.3. Trường hợp ông Hoàng Văn S, bà Nguyễn Thị N không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ các khoản nợ trên thì Ngân hàng TMCP V N T V có quyền đề nghị cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền

kê biên phát mại tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Tài sản thế chấp là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số 577, tờ bản đồ số 03, diện tích 96m², tại địa chỉ: Thôn H, xã L T, huyện Đ Ph, Thành phố Hà Nội - Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số BG 968266, vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH-00804 do UBND huyện Đ Ph, Thành phố Hà Nội cấp ngày 20/01/2012 cho ông Hoàng Văn S và bà Nguyễn Thị N.

Toàn bộ số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của ông Hoàng Văn S và bà Nguyễn Thị N đối với Ngân hàng TMCP V N T V.

Trường hợp số tiền thu được từ việc phát mại tài sản thế chấp không đủ nghĩa vụ trả nợ thì ông Hoàng Văn S và bà Nguyễn Thị N vẫn phải có nghĩa vụ thanh toán cho đến khi hết toàn bộ khoản nợ.

2.4. Về án phí: Ông Hoàng Văn S và bà Nguyễn Thị N phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 26.140.500 đồng (Hai mươi sáu triệu một trăm bốn mươi ngàn năm trăm đồng).

Hoàn trả lại Ngân hàng Thương mại Cổ phần V N T V số tiền 22.457.000 đồng (Hai mươi hai triệu bốn trăm năm mươi bảy ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0014697 ngày 10/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND huyện Đan Phượng,
Thành phố Hà Nội;
- TAND Thành phố Hà Nội;
- Chi cục THA huyện Đan Phượng,
Thành phố Hà Nội;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Hữu Hòa